



KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 31 - NĂM 2022

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
1	1	02220565	ĐÀO THỊ THƯỜNG	Nữ	25/04/1990	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	8.79		8.90	17.69	
2	2	02220676	VŨ MINH QUÝ	Nam	19/12/1993	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	8.92		8.77	17.69	
3	3	02220051	TRỊNH ANH TUẤN	Nam	03/10/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	8.79		8.83	17.62	
4	4	02220038	NGÔ QUANG DUY	Nam	21/11/1996	Tỉnh Hà Giang	Chẩn đoán hình ảnh	8.35	1.0	8.21	17.56	
5	5	02220187	TRẦN THỊ TRANG	Nữ	25/05/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	8.52		8.90	17.42	
6	6	02220010	LÊ THỊ HÒA	Nữ	28/11/1989	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.54		8.88	17.42	
7	7	02220666	LÊ THỊ YẾN	Nữ	06/06/1993	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	8.15	1.0	8.23	17.38	
8	8	02220594	TRỊNH HỒNG QUANG	Nam	10/09/1991	Tỉnh Hà Nam	Chẩn đoán hình ảnh	8.92		8.42	17.34	
9	9	02220091	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	30/06/1991	Tỉnh Ninh Bình	Chẩn đoán hình ảnh	8.96		8.33	17.29	
10	10	02220607	TRẦN HIỆP HÒA	Nam	23/12/1991	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	8.79		8.42	17.21	
11	11	02220176	LƯU PHƯƠNG THANH	Nữ	30/04/1992	Tỉnh Phú Thọ	Chẩn đoán hình ảnh	8.52		8.40	16.92	
12	12	02220075	PHẠM VĂN PHƯƠNG	Nam	18/10/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	7.96	1.0	7.92	16.88	
13	13	02220140	HOÀNG QUỐC HÙNG	Nam	21/06/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	8.29		8.42	16.71	
14	14	02220716	NGUYỄN ĐỨC HỒNG	Nam	17/10/1991	Tỉnh Hà Tĩnh	Chẩn đoán hình ảnh	8.46		8.23	16.69	
15	15	02220098	THIỆU THỊ THANH VÂN	Nữ	31/08/1991	Tỉnh Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	8.08		8.50	16.58	
16	16	02220787	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	Nữ	02/12/1989	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	8.31		8.23	16.54	
17	17	02220195	NGUYỄN MINH ANH	Nam	21/07/1994	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.94		8.52	16.46	
18	18	02220102	ĐỖ THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	08/12/1992	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.31		9.06	16.37	
19	19	02220398	NGUYỄN VĂN HIỆU	Nam	14/10/1993	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	8.04		8.23	16.27	
20	20	02220062	NGUYỄN HẢI SƠN	Nam	25/11/1988	Tỉnh Vĩnh Phúc	Chẩn đoán hình ảnh	7.73		8.44	16.17	
21	21	02220465	TẠ VĂN LÂM	Nam	12/12/1992	Tỉnh Gia Lai	Chẩn đoán hình ảnh	7.96		8.21	16.17	
22	22	02220380	TRẦN THỊ OANH	Nữ	25/10/1994	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	7.71		8.31	16.02	
23	23	02220394	NGUYỄN NHẬT QUANG	Nam	17/04/1993	Tỉnh Nghệ An	Chẩn đoán hình ảnh	7.54		8.44	15.98	
24	24	02220484	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	22/07/1994	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.79		8.13	15.92	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
25	25	02220396	TRẦN MINH TÂN	Nam	13/08/1995	Tỉnh Hải Dương	Chẩn đoán hình ảnh	8.27		7.58	15.85	
26	26	02220143	HOÀNG THÁI LINH	Nữ	20/11/1991	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	6.50	1.0	8.04	15.54	
27	27	02220192	VƯƠNG ĐỨC NAM	Nam	31/10/1992	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	7.25		8.15	15.40	
28	28	02220252	ĐỖ THỊ HÂN	Nữ	14/01/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	7.40		8.00	15.40	
29	29	02220483	PHẠM THỊ NGỌC ANH	Nữ	06/11/1987	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.56		8.75	15.31	
30	30	02220145	ĐÀO HẢI LONG	Nam	15/06/1988	Tỉnh Lai Châu	Chẩn đoán hình ảnh	8.25		6.85	15.10	
31	31	02220072	NGÔ THỊ NGỌC MINH	Nữ	02/02/1995	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	6.90		7.96	14.86	
32	32	02220073	NGUYỄN BÁCH CHIẾN	Nam	16/07/1991	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	7.13		7.58	14.71	
33	33	02220766	TRẦN TIẾN MẠNH	Nam	01/10/1986	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.58		8.06	14.64	
34	34	02220582	NGUYỄN ĐỨC TRỤ	Nam	09/10/1993	Tỉnh Nam Định	Chẩn đoán hình ảnh	6.79		7.65	14.44	
35	35	02220386	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/12/1989	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	6.27		8.13	14.40	
36	36	02220368	NGUYỄN TIẾN MẠNH	Nam	22/09/1996	Tỉnh Bắc Giang	Chẩn đoán hình ảnh	6.52		7.15	13.67	
37	37	02220835	NGUYỄN ĐÌNH THẾ	Nam	29/11/1994	Tỉnh Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	5.98		7.23	13.21	
38	38	02220464	PHẠM THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	07/07/1989	Tỉnh Lào Cai	Chẩn đoán hình ảnh	4.83	1.0	6.17	12.00	
39	39	02220763	VŨ VĂN LƯƠNG	Nam	19/01/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Chẩn đoán hình ảnh	4.27		5.96	10.23	
40	40	02220844	TRẦN XUÂN HIỆU	Nam	11/08/1994	Tỉnh Hưng Yên	Chẩn đoán hình ảnh	3.88		5.77	9.65	
41	41	02220209	TRẦN THỊ HẬU	Nữ	05/11/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Chẩn đoán hình ảnh	0.00		0.00		Không thi
42	42	02220306	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Nữ	25/11/1993	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	0.00		0.00		Không thi
43	43	02220281	PHẠM HỒNG NHUNG	Nữ	15/01/1990	Tỉnh Thái Bình	Chẩn đoán hình ảnh	0.00		0.00		Không thi
44	44	02220433	NGUYỄN ĐỨC QUANG HUY	Nam	07/12/1994	TP Hà Nội	Chẩn đoán hình ảnh	0.00		0.00		Không thi
45	1	02220146	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Nữ	12/02/1993	Tỉnh Bắc Giang	Da liễu	7.65		7.81	15.46	
46	2	02220587	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Nữ	08/06/1995	Tỉnh Ninh Bình	Da liễu	6.75		7.60	14.35	
47	3	02220635	CHU NHẬT UYÊN	Nữ	09/09/1995	Tỉnh Lạng Sơn	Da liễu	6.69		7.13	13.82	
48	4	02220138	LÊ VĂN MINH	Nam	28/09/1987	Tỉnh Lạng Sơn	Da liễu	6.56	1.0	5.83	13.39	
49	5	02220542	HỒ THỊ TRANG	Nữ	04/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	6.17		6.98	13.15	
50	6	02220172	VŨ PHƯƠNG THẢO	Nữ	09/02/1993	TP Hà Nội	Da liễu	6.31		6.33	12.64	
51	7	02220441	VŨ THỊ THANH NHÀN	Nữ	06/06/1994	Tỉnh Hải Dương	Da liễu	6.35		5.92	12.27	
52	8	02220064	DƯƠNG PHÚC HIỆU	Nam	25/01/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Da liễu	6.42		5.31	11.73	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
53	9	02220777	BÙI THỊ HIỀN	Nữ	25/04/1995	Tỉnh Bắc Giang	Da liễu	5.81		5.79	11.60	
54	10	02220188	BÀN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	15/02/1995	Tỉnh Tuyên Quang	Da liễu	6.13		5.19	11.32	
55	11	02220808	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	01/05/1995	Tỉnh Khánh Hòa	Da liễu	4.92		5.83	10.75	
56	12	02220721	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	24/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	5.19		5.23	10.42	
57	13	02220059	LÊ THỊ THÚY	Nữ	31/12/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Da liễu	4.29		6.00	10.29	
58	14	02220832	NGUYỄN QUÝ TRỌNG QUANG	Nam	10/01/1991	Tỉnh Thái Nguyên	Da liễu	5.40		4.71	10.11	
59	15	02220742	ĐẶNG THỊ THÚY	Nữ	13/03/1993	Tỉnh Nam Định	Da liễu	5.00		4.23	9.23	
60	16	02220648	ĐỖ QUỐC TUẤN	Nam	17/05/1995	Tỉnh Vĩnh Phúc	Da liễu	0.00		0.00		Không thi
61	1	02220531	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	02/09/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Dị ứng - Miễn dịch	5.94		5.73	11.67	
62	1	02220818	TRẦN HỮU THẮNG	Nam	16/02/1994	Tỉnh Phú Thọ	Dịch tễ học	4.92		7.33	12.25	
63	1	02220471	PHẠM MINH THÚY	Nữ	29/08/1982	Tỉnh Hải Dương	Dinh dưỡng	7.94		8.92	16.86	
64	2	02220479	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	04/12/1990	Tỉnh Lào Cai	Dinh dưỡng	8.06	1.0	7.58	16.64	
65	3	02220344	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHÂU	Nữ	19/10/1997	Tỉnh Thừa thiên-H	Dinh dưỡng	8.04		8.33	16.37	
66	4	02220469	TRẦN MỸ NHUNG	Nữ	30/09/1994	TP Hồ Chí Minh	Dinh dưỡng	7.85		8.42	16.27	
67	5	02220117	TRẦN THỊ BÍCH THÙY	Nữ	30/01/1980	TP Hải Phòng	Dinh dưỡng	8.17		8.08	16.25	
68	6	02220154	TRẦN HOÀNG KIM	Nữ	20/02/1990	Tỉnh Lạng Sơn	Dinh dưỡng	8.15	1.0	7.00	16.15	
69	7	02220580	NGUYỄN THỊ CÚC	Nữ	27/10/1995	Tỉnh Thừa thiên-H	Dinh dưỡng	7.56		8.58	16.14	
70	8	02220459	ĐÀO THU TRANG	Nữ	12/09/1996	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	7.67		7.92	15.59	
71	9	02220499	CẦN THỊ THU HẰNG	Nữ	17/02/1989	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	7.08		8.42	15.50	
72	10	02220114	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	04/10/1995	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	7.69		7.67	15.36	
73	11	02220314	MAI THỊ NGỌC YẾN	Nữ	22/12/1998	Tỉnh Nam Định	Dinh dưỡng	7.63		7.67	15.30	
74	12	02220428	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	12/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Dinh dưỡng	7.42		7.83	15.25	
75	13	02220505	ĐỖ HỒNG NGỌC	Nữ	17/05/1991	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	7.92		7.33	15.25	
76	14	02220500	TRẦN THỊ HẰNG	Nữ	26/12/1988	Tỉnh Nghệ An	Dinh dưỡng	7.27		7.83	15.10	
77	15	02220488	NGUYỄN THỊ ĐÌNH	Nữ	06/09/1995	Tỉnh Hưng Yên	Dinh dưỡng	7.02		8.00	15.02	
78	16	02220545	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	02/06/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Dinh dưỡng	7.19		7.83	15.02	
79	17	02220637	TẠ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	28/09/1996	Tỉnh Bắc Giang	Dinh dưỡng	7.21		7.75	14.96	
80	18	02220486	PHAN THỊ HỒNG DIỆU	Nữ	08/10/1996	Tỉnh Nghệ An	Dinh dưỡng	7.21		7.67	14.88	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
81	19	02220662	TRẦN THỊ PHƯƠNG	Nữ	08/10/1990	Tỉnh Nghệ An	Dinh dưỡng	7.04		7.83	14.87	
82	20	02220385	TRƯƠNG XUÂN BÍCH	Nữ	17/03/1995	TP Hồ Chí Minh	Dinh dưỡng	7.25		7.50	14.75	
83	21	02220792	PHẠM DIỆU QUỲNH	Nữ	27/12/1994	Tỉnh Thái Nguyên	Dinh dưỡng	7.42		7.25	14.67	
84	22	02220002	TẠ THANH NGÀ	Nữ	26/12/1996	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	7.29		7.17	14.46	
85	23	02220333	NGUYỄN HOÀI THU	Nữ	22/03/1995	Tỉnh Nam Định	Dinh dưỡng	7.63		6.83	14.46	
86	24	02220554	ĐẶNG THỊ ĐOÀN DƯ	Nữ	30/11/1988	Tỉnh Thái Bình	Dinh dưỡng	7.08		7.33	14.41	
87	25	02220329	TRẦN MAI LAN	Nữ	25/07/1995	Tỉnh Thái Bình	Dinh dưỡng	6.90		7.42	14.32	
88	26	02220251	TĂNG THỊ THUỶ	Nữ	27/08/1994	Tỉnh Thái Nguyên	Dinh dưỡng	7.29		6.92	14.21	
89	27	02220184	LÊ THỊ NHUNG	Nữ	14/10/1983	Tỉnh Thanh Hóa	Dinh dưỡng	7.27		6.92	14.19	
90	28	02220472	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	26/06/1997	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	7.00		7.17	14.17	
91	29	02220197	BÙI THỊ KIM HUẾ	Nữ	01/06/1995	Tỉnh Nam Định	Dinh dưỡng	6.67		7.33	14.00	
92	30	02220556	LÊ THỊ THU TRANG	Nữ	15/11/1988	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	6.90		6.92	13.82	
93	31	02220724	VÕ VĂN TÂM	Nam	05/03/1993	Tỉnh Phú Yên	Dinh dưỡng	6.38		7.42	13.80	
94	32	02220672	NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	Nữ	13/10/1995	Tỉnh Hà Nam	Dinh dưỡng	6.71		7.08	13.79	
95	33	02220104	LÊ NGỌC MINH	Nữ	30/08/2000	Tỉnh Bắc Ninh	Dinh dưỡng	6.60		7.08	13.68	
96	34	02220521	TÔ THỊ QUYÊN	Nữ	14/02/1984	Tỉnh Hòa Bình	Dinh dưỡng	6.00	1.0	6.50	13.50	
97	35	02220685	ĐINH BẠT BÁCH	Nam	10/10/1990	Tỉnh Nghệ An	Dinh dưỡng	6.13		7.33	13.46	
98	36	02220473	BÙI THỊ THẢO	Nữ	03/07/1990	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	6.65		6.75	13.40	
99	37	02220208	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	Nữ	07/05/1992	Tỉnh Hải Dương	Dinh dưỡng	6.81		6.58	13.39	
100	38	02220660	NGÔ THỊ XUÂN BÍCH	Nữ	23/04/1992	Tỉnh Quảng Bình	Dinh dưỡng	6.38		7.00	13.38	
101	39	02220016	LÊ THỊ THẢO LINH	Nữ	20/11/2000	Tỉnh Thanh Hóa	Dinh dưỡng	6.54		6.67	13.21	
102	40	02220360	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	Nữ	28/05/1995	Tỉnh Hà Nam	Dinh dưỡng	5.75		7.00	12.75	
103	41	02220627	BÙI THỊ KHÁNH LINH	Nữ	01/11/1996	Tỉnh Nam Định	Dinh dưỡng	6.31		6.42	12.73	
104	42	02220812	NGUYỄN THỊ THANH MAI	Nữ	27/02/1998	Tỉnh Sơn La	Dinh dưỡng	6.13		6.42	12.55	
105	43	02220350	ĐOÀN THỊ HUYỀN	Nữ	28/04/1995	Tỉnh Nam Định	Dinh dưỡng	6.00		6.50	12.50	
106	44	02220269	PHẠM HỒNG NGỌC	Nữ	25/08/1997	TP Hà Nội	Dinh dưỡng	6.44		5.92	12.36	
107	45	02220065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	02/02/1999	Tỉnh Quảng Ninh	Dinh dưỡng	6.06		6.17	12.23	
108	46	02220527	LỮ LƯƠNG TÂM	Nữ	20/11/1988	Tỉnh Hà Nam	Dinh dưỡng	6.42		5.00	11.42	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
109	47	02220837	LA BẢO CHÂU	Nữ	13/03/1992	Tỉnh Thừa thiên-H	Dinh dưỡng	5.75		5.58	11.33	
110	48	02220119	LÊ THỊ DIỆU THU	Nữ	12/09/1999	Tỉnh Thanh Hóa	Dinh dưỡng	5.52		5.75	11.27	
111	49	02220815	TRẦN THANH HẰNG	Nữ	06/06/1997	Tỉnh Thái Bình	Dinh dưỡng	5.71		5.50	11.21	
112	1	02220455	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	Nữ	10/08/1988	Tỉnh Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	8.08		7.25	15.33	
113	2	02220669	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	27/11/1995	TP Hà Nội	Điều dưỡng	8.31		7.00	15.31	
114	3	02220668	NGUYỄN THỊ LIÊN	Nữ	05/09/1988	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng	7.13		7.08	14.21	
115	4	02220838	LÂM THỊ TRANG	Nữ	13/09/2000	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng	7.10		7.08	14.18	
116	5	02220222	HOÀNG THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	27/04/1985	TP Hà Nội	Điều dưỡng	6.13		7.67	13.80	
117	6	02220677	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	27/03/1987	Tỉnh Nghệ An	Điều dưỡng	7.27		6.42	13.69	
118	7	02220514	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	Nam	15/09/1988	TP Hà Nội	Điều dưỡng	6.02		7.58	13.60	
119	8	02220042	ĐỖ THỊ ÁNH	Nữ	25/09/1992	Tỉnh Nam Định	Điều dưỡng	6.40		6.92	13.32	
120	9	02220636	TRẦN THỊ HÀ MY	Nữ	22/02/1993	TP Hà Nội	Điều dưỡng	6.04		7.17	13.21	
121	10	02220328	PHẠM XUÂN ĐÔNG	Nam	05/09/1987	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng	5.38		7.67	13.05	
122	11	02220147	CHU THỊ VÂN	Nữ	25/10/1996	TP Hà Nội	Điều dưỡng	5.77		7.25	13.02	
123	12	02220810	TRẦN ĐÌNH THẢO	Nam	18/03/1986	TP Hà Nội	Điều dưỡng	5.96		6.83	12.79	
124	13	02220242	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	16/06/1991	Tỉnh Hà Nam	Điều dưỡng	5.92		6.83	12.75	
125	14	02220444	ĐỒNG THỊ THÚY ĐIỀU	Nữ	27/11/1997	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng	6.10		6.50	12.60	
126	15	02220773	DƯƠNG THỊ NGUYỄN	Nữ	13/03/1977	TP Hà Nội	Điều dưỡng	5.52		6.83	12.35	
127	16	02220711	ĐỖ CẨM THÚY	Nữ	01/02/1984	TP Hà Nội	Điều dưỡng	5.19		7.00	12.19	
128	17	02220532	KIM THỊ MỸ PHƯƠNG	Nữ	31/07/1989	TP Hà Nội	Điều dưỡng	5.13		6.75	11.88	
129	18	02220346	BÙI TRỌNG DŨNG	Nam	20/09/1986	TP Hà Nội	Điều dưỡng	5.19		6.58	11.77	
130	19	02220771	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	23/01/1988	Tỉnh Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	5.08		6.08	11.16	
131	20	02220780	ĐÀO QUANG VINH	Nam	18/11/1985	Tỉnh Hưng Yên	Điều dưỡng	4.69		6.42	11.11	
132	21	02220391	HOÀNG THU THỦY	Nữ	29/10/1994	Tỉnh Hòa Bình	Điều dưỡng	4.52		6.25	10.77	
133	22	02220430	NGUYỄN THỊ HỒNG THẢO	Nữ	01/06/1996	Tỉnh Ninh Bình	Điều dưỡng	4.50		6.25	10.75	
134	23	02220788	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	08/05/1997	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng	4.48		6.25	10.73	
135	24	02220339	HOÀNG THẮNG TÙNG	Nam	12/11/1982	Tỉnh Thanh Hóa	Điều dưỡng	4.63		6.08	10.71	
136	25	02220313	HÀ THỊ LAN ANH	Nữ	20/09/1985	TP Hà Nội	Điều dưỡng	3.94		6.33	10.27	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
137	26	02220807	ĐÀO THỊ HOA	Nữ	06/11/1990	Tỉnh Thái Bình	Điều dưỡng	4.13		5.83	9.96	
138	1	02220528	VŨ THU HOÀI	Nữ	22/05/1991	Tỉnh Thái Nguyên	Gây mê hồi sức	7.65		7.77	15.42	
139	2	02220183	LÊ HỒNG ĐỨC	Nam	28/10/1993	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	7.77		7.38	15.15	
140	3	02220331	NGUYỄN HUY ĐẠT	Nam	20/05/1994	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	7.42		7.02	14.44	
141	4	02220165	BÙI HẢI YẾN	Nữ	16/05/1993	Tỉnh Sơn La	Gây mê hồi sức	7.52	1.0	5.90	14.42	
142	5	02220079	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	Nam	12/05/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Gây mê hồi sức	7.50		6.81	14.31	
143	6	02220456	TRẦN TUẤN ANH	Nam	22/12/1994	Tỉnh Thái Bình	Gây mê hồi sức	7.17		6.42	13.59	
144	7	02220405	TRẦN THỊ TƯƠI	Nữ	03/05/1993	Tỉnh Nam Định	Gây mê hồi sức	6.25		7.23	13.48	
145	8	02220115	NGÔ THẾ NGUYỄN	Nam	05/07/1993	Tỉnh Sơn La	Gây mê hồi sức	6.08	1.0	5.85	12.93	
146	9	02220828	ĐỖ ĐỨC TIẾN	Nam	18/10/1994	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	6.60		6.06	12.66	
147	10	02220106	VƯƠNG QUỐC ĐỨC	Nam	24/01/1992	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	7.06		5.56	12.62	
148	11	02220457	HOÀNG THỊ NGÂN	Nữ	22/01/1993	Tỉnh Bắc Giang	Gây mê hồi sức	6.31		6.06	12.37	
149	12	02220519	ĐỖ QUANG THỤ	Nam	26/11/1989	Tỉnh Hòa Bình	Gây mê hồi sức	6.77		5.50	12.27	
150	13	02220322	LÊ VIỆT ANH	Nam	21/09/1990	Tỉnh Hòa Bình	Gây mê hồi sức	6.94		5.33	12.27	
151	14	02220626	NGÔ THỊ HẠNH LINH	Nữ	14/11/1993	Tỉnh Ninh Bình	Gây mê hồi sức	6.46		5.35	11.81	
152	15	02220205	TẠ ĐÌNH MINH	Nam	10/07/1990	Tỉnh Nghệ An	Gây mê hồi sức	6.63		5.06	11.69	
153	16	02220261	NGUYỄN TIẾN SƠN	Nam	16/02/1992	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	5.83		5.71	11.54	
154	17	02220037	NGUYỄN HỮU QUÂN	Nam	02/01/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	6.23		5.06	11.29	
155	18	02220181	VŨ DOÃN TÚ	Nam	13/12/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Gây mê hồi sức	5.90		5.08	10.98	
156	19	02220561	BÙI THỊ NGỌC HÂN	Nữ	29/11/1993	Tỉnh Thái Nguyên	Gây mê hồi sức	5.77		4.73	10.50	
157	20	02220628	BÙI ĐỨC VINH	Nam	14/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	5.00		5.06	10.06	
158	21	02220136	HOÀNG MAI ANH	Nữ	02/07/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Gây mê hồi sức	3.88		4.56	8.44	
159	22	02220082	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	16/01/1994	Tỉnh Nam Định	Gây mê hồi sức	0.00		0.00		Không thi
160	23	02220796	LÊ VŨ LINH	Nam	05/06/1991	TP Hà Nội	Gây mê hồi sức	0.00		0.00		Không thi
161	1	02220201	TRẦN NGỌC ĐỨC	Nam	30/05/1994	Tỉnh Nghệ An	Giải phẫu bệnh	7.63		7.33	14.96	
162	2	02220539	NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	Nữ	04/08/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Giải phẫu bệnh	7.79		6.73	14.52	
163	3	02220740	NGUYỄN NHÂM QUÝ	Nam	17/03/1993	Tỉnh Gia Lai	Giải phẫu bệnh	6.10		5.42	11.52	
164	4	02220735	ĐÀO VĂN ĐỨC	Nam	29/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Giải phẫu bệnh	6.06		5.19	11.25	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
165	5	02220583	LÊ THỊ NHIÊN	Nữ	29/10/1992	Tỉnh Ninh Bình	Giải phẫu bệnh	4.35		4.98	9.33	
166	6	02220370	NGUYỄN ANH VĂN	Nam	30/06/1994	TP Hà Nội	Giải phẫu bệnh	4.69		4.44	9.13	
167	1	02220437	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	20/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Hóa sinh Y học	6.23		6.60	12.83	
168	2	02220549	LƯU THỊ HÀ AN	Nữ	24/10/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Hóa sinh Y học	6.00		5.46	11.46	
169	3	02220776	ĐÀO THỊ THANH MAI	Nữ	13/10/1988	Tỉnh Hà Giang	Hóa sinh Y học	4.71		6.31	11.02	
170	4	02220642	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	Nữ	27/01/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Hóa sinh Y học	0.00		0.00		Không thi
171	1	02220066	TRẦN VĂN THẢO	Nam	02/11/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Hồi sức cấp cứu	7.88		7.94	15.82	
172	2	02220432	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	02/12/1994	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	7.77		7.77	15.54	
173	3	02220579	VŨ TRUNG KIÊN	Nam	13/04/1995	Tỉnh Thái Nguyên	Hồi sức cấp cứu	7.65		7.52	15.17	
174	4	02220340	NGUYỄN VĂN CUNG	Nam	06/11/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.71		7.19	14.90	
175	5	02220023	NGUYỄN THỊ CHỈNH	Nữ	10/03/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu	7.44		7.38	14.82	
176	6	02220008	TRẦN HOÀI LINH	Nữ	24/11/1991	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.44		7.25	14.69	
177	7	02220295	ĐÀO THỊ HƯƠNG	Nữ	08/10/1992	TP Hải Phòng	Hồi sức cấp cứu	7.52		7.17	14.69	
178	8	02220185	ĐỖ KHÁNH HÀ	Nam	20/03/1994	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	6.92		7.60	14.52	
179	9	02220596	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	12/02/1994	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.21		7.29	14.50	
180	10	02220576	NGUYỄN MI SEN	Nam	14/06/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	6.96		7.52	14.48	
181	11	02220348	PHẠM THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	07/05/1994	Tỉnh Bình Định	Hồi sức cấp cứu	7.46		6.88	14.34	
182	12	02220341	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	20/12/1994	Tỉnh Hưng Yên	Hồi sức cấp cứu	7.67		6.63	14.30	
183	13	02220319	VŨ THỊ TRANG	Nữ	29/09/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	7.33		6.90	14.23	
184	14	02220112	ĐẶNG VĂN DƯƠNG	Nam	02/08/1991	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	7.73		6.50	14.23	
185	15	02220604	TRƯƠNG THANH HÙNG	Nam	15/08/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Hồi sức cấp cứu	7.73		6.40	14.13	
186	16	02220200	LƯƠNG THỊ THU HOÀI	Nữ	10/11/1990	Tỉnh Cao Bằng	Hồi sức cấp cứu	7.13		6.71	13.84	
187	17	02220371	TRỊNH NGỌC DUY	Nam	23/06/1984	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	6.54		7.29	13.83	
188	18	02220643	NGUYỄN NGỌC TRÌNH	Nam	20/12/1990	Tỉnh Điện Biên	Hồi sức cấp cứu	6.85	1.0	5.92	13.77	
189	19	02220584	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	11/02/1995	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	6.58		7.08	13.66	
190	20	02220624	NGUYỄN DUY TOÀN	Nam	28/11/1994	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	6.67		6.94	13.61	
191	21	02220722	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	21/09/1993	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	7.17		6.42	13.59	
192	22	02220418	LÊ VĂN NHÂM	Nam	02/07/1990	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	6.54		6.88	13.42	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
193	23	02220546	NINH THỊ NGỌC	Nữ	19/08/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	6.48		6.77	13.25	
194	24	02220541	PHAN HỒNG THÁI	Nam	06/11/1994	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	6.25		6.73	12.98	
195	25	02220253	VŨ THANH TÙNG	Nam	16/01/1992	Tỉnh Phú Thọ	Hồi sức cấp cứu	6.67		6.17	12.84	
196	26	02220670	LÊ TIẾN DŨNG	Nam	22/02/1990	Tỉnh Nam Định	Hồi sức cấp cứu	5.92		6.83	12.75	
197	27	02220489	HOÀNG NGỌC MINH	Nam	11/03/1993	Tỉnh Ninh Bình	Hồi sức cấp cứu	6.25		6.44	12.69	
198	28	02220682	NGUYỄN HỮU KIÊN	Nam	13/10/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Hồi sức cấp cứu	5.40		7.25	12.65	
199	29	02220297	LÊ THỊ MỸ	Nữ	13/08/1992	TP Hải Phòng	Hồi sức cấp cứu	5.13		7.48	12.61	
200	30	02220809	PHẠM THỊ BIÊN	Nữ	10/08/1989	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	6.08		6.38	12.46	
201	31	02220414	TRẦN THỊ THANH HOA	Nữ	17/07/1995	Tỉnh Thái Bình	Hồi sức cấp cứu	6.63		5.83	12.46	
202	32	02220507	DƯƠNG DANH HẢI	Nam	19/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Hồi sức cấp cứu	6.15		6.04	12.19	
203	33	02220270	MAI TRUNG ĐỨC	Nam	26/12/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Hồi sức cấp cứu	5.65		5.81	11.46	
204	34	02220389	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	23/05/1994	TP Hà Nội	Hồi sức cấp cứu	0.00		0.00		Không thi
205	35	02220318	PHẠM MINH TÙNG	Nam	08/05/1992	Tỉnh Hải Dương	Hồi sức cấp cứu	0.00		0.00		Không thi
206	1	02220177	TRẦN THỊ THANH	Nữ	11/03/1995	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyết học - Truyền máu	8.46		7.54	16.00	
207	2	02220649	NGUYỄN ANH MƯỜI	Nam	17/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Huyết học - Truyền máu	7.23		7.25	14.48	
208	3	02220547	NGUYỄN THẢO LINH	Nữ	11/12/1993	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	7.17		7.06	14.23	
209	4	02220540	MÀU THỊ TUYẾN	Nữ	01/11/1991	TP Hà Nội	Huyết học - Truyền máu	7.60		6.52	14.12	
210	5	02220359	TRẦN THỊ HẢI THANH	Nữ	12/09/1986	Tỉnh Hải Dương	Huyết học - Truyền máu	7.65		6.25	13.90	
211	6	02220586	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	24/11/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Huyết học - Truyền máu	7.67		6.17	13.84	
212	7	02220651	PHẠM THỊ LIÊN	Nữ	23/03/1991	Tỉnh Nam Định	Huyết học - Truyền máu	5.23		6.50	11.73	
213	8	02220231	NGUYỄN VĂN TRANG	Nữ	11/06/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyết học - Truyền máu	5.60		5.35	10.95	
214	9	02220622	LÊ THỊ NGUYỆT	Nữ	10/02/1988	Tỉnh Nghệ An	Huyết học - Truyền máu	4.92		5.10	10.02	
215	1	02220791	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	Nam	26/05/1990	TP Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8.35		7.65	16.00	
216	2	02220046	TÔ THỊ TRANG	Nữ	09/02/1992	Tỉnh Hưng Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.52		8.17	15.69	
217	3	02220403	NGUYỄN THỊ HỒNG QUYÊN	Nữ	29/07/1990	Tỉnh Hưng Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.81		7.79	15.60	
218	4	02220294	NGUYỄN THỊ NGHIỆP	Nữ	12/11/1997	Tỉnh Bắc Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.00		8.21	15.21	
219	5	02220806	NGUYỄN HỒNG THƯƠNG	Nữ	21/05/1985	Tỉnh Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.19		7.58	14.77	
220	6	02220397	VŨ THỊ CHINH	Nữ	04/11/1996	Tỉnh Bắc Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.23		8.38	14.61	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
221	7	02220198	LƯU THỊ NGÀ	Nữ	12/12/1997	Tỉnh Hải Dương	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.02		7.31	14.33	
222	8	02220050	ĐỖ THỊ CHI	Nữ	14/01/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.13		6.98	14.11	
223	9	02220732	NGUYỄN THỊ BÍCH	Nữ	08/12/1994	TP Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.63		6.40	14.03	
224	10	02220759	ĐOÀN SƠN HẢI	Nam	11/10/1993	Tỉnh Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.35		7.67	14.02	
225	11	02220044	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	28/09/1994	TP Hải Phòng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.46		6.33	13.79	
226	12	02220218	TRẦN THỊ HẢI	Nữ	08/10/1989	Tỉnh Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.98		6.75	13.73	
227	13	02220461	PHAN THỊ THU THUY	Nữ	06/05/1991	TP Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.40		6.33	13.73	
228	14	02220671	VŨ THỊ CHÂM	Nữ	29/03/1993	TP Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.75		6.90	13.65	
229	15	02220633	VŨ THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	28/05/1992	Tỉnh Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.58		7.00	13.58	
230	16	02220774	NGUYỄN DUY NGỌC	Nam	14/08/1993	Tỉnh Tuyên Quang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.56		6.94	13.50	
231	17	02220638	NGUYỄN KIỀU HOÀI LINH	Nữ	20/07/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.65		6.83	13.48	
232	18	02220516	TRẦN TRUNG HÒA	Nam	27/07/1982	Tỉnh Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.65		6.83	13.48	
233	19	02220794	PHAN VĂN HẬU	Nam	07/08/1993	Tỉnh Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.60		6.83	13.43	
234	20	02220741	HỒ THỊ THU	Nữ	12/12/1994	Tỉnh Nghệ An	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.35		6.98	13.33	
235	21	02220719	DƯƠNG MINH LONG	Nam	08/12/1992	Tỉnh Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.17		6.02	13.19	
236	22	02220285	TRƯƠNG THỊ THẢO	Nữ	13/06/1997	Tỉnh Lai Châu	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.02		6.08	13.10	
237	23	02220713	NGUYỄN HƯƠNG XUÂN	Nữ	04/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.73		6.27	13.00	
238	24	02220003	TRƯƠNG THỊ NGỌC THUY	Nữ	21/05/1997	Tỉnh Thừa thiên-H	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.15		5.81	12.96	
239	25	02220128	PHẠM TRỊNH TRÚC PHƯỢNG	Nữ	24/11/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.50		5.38	12.88	
240	26	02220467	ĐỖ THỊ LÊ NA	Nữ	10/06/1987	Tỉnh Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.13		6.29	12.42	
241	27	02220180	ĐOÀN AN SƠN	Nam	10/08/1988	TP Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.10		6.06	12.16	
242	28	02220404	VŨ HOÀI SÔNG HƯƠNG	Nữ	18/10/1995	Tỉnh Lào Cai	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5.35	1.0	5.42	11.77	
243	29	02220325	ĐỖ THUY DUNG	Nữ	05/10/1997	TP Hải Phòng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5.98		5.48	11.46	
244	30	02220393	VŨ NGỌC ÁNH	Nữ	13/03/1999	Tỉnh Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5.00		6.42	11.42	
245	31	02220122	PHẠM HÀ ANH	Nữ	24/10/1996	Tỉnh Tuyên Quang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5.23		5.79	11.02	
246	32	02220790	ĐỖ XUÂN LỘC	Nam	16/10/1991	Tỉnh Sơn La	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.19	1.0	5.38	10.57	
247	33	02220238	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	28/01/1994	Tỉnh Bắc Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.98		5.29	10.27	
248	34	02220092	VŨ THỊ THU TRANG	Nữ	17/01/1981	Tỉnh Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.31		5.90	10.21	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
249	35	02220693	DƯƠNG THỊ HIỀN	Nữ	25/07/1994	Tỉnh Hưng Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.83		5.21	10.04	
250	36	02220296	NGUYỄN SỸ THÁI	Nam	27/03/1986	Tỉnh Hà Tĩnh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.75		4.90	9.65	
251	37	02220567	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	24/05/1994	Tỉnh Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	4.13		5.06	9.19	
252	38	02220290	TẠ THỊ TÚ	Nữ	12/01/1984	TP Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	3.90		3.73	7.63	
253	1	02220804	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	27/09/1991	Tỉnh Nam Định	Lão khoa	7.52		6.65	14.17	
254	2	02220204	TRẦN LỆ THỦY	Nữ	04/09/1991	TP Hà Nội	Lão khoa	6.79		6.73	13.52	
255	3	02220214	VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	Nữ	03/03/1989	Tỉnh Nam Định	Lão khoa	5.17		6.88	12.05	
256	1	02220304	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	13/03/1993	Tỉnh Nam Định	Lao và bệnh phổi	6.94		6.75	13.69	
257	1	02220801	TRẦN THU HẰNG	Nữ	05/10/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.73		8.00	15.73	
258	2	02220249	PHẠM ĐỖ THỰC ANH	Nữ	25/09/1996	Tỉnh Tuyên Quang	Nội khoa	7.79		7.94	15.73	
259	3	02220730	PHẠM THANH TÙNG	Nam	25/12/1993	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	8.46		7.27	15.73	
260	4	02220279	NGUYỄN THU THỦY	Nữ	18/10/1994	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	7.83		7.67	15.50	
261	5	02220384	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	16/11/1993	Tỉnh Yên Bái	Nội khoa	7.27		8.06	15.33	
262	6	02220041	LƯU TUẤN ANH	Nam	16/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.90		7.29	15.19	
263	7	02220529	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	03/08/1993	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	7.52		7.56	15.08	
264	8	02220374	TRẦN THỊ HỒNG	Nữ	14/02/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.90		7.10	15.00	
265	9	02220135	NGUYỄN THÚY QUỲNH	Nữ	05/05/1994	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	7.35		7.63	14.98	
266	10	02220415	NGUYỄN ĐÌNH KÍNH	Nam	20/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.98		7.00	14.98	
267	11	02220399	LÊ CHÍ BẢO	Nam	23/08/1993	Tỉnh Quảng Bình	Nội khoa	7.92		6.92	14.84	
268	12	02220588	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	23/01/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	7.33		7.31	14.64	
269	13	02220843	TÔ THỊ LOAN	Nữ	06/11/1994	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	7.50		7.13	14.63	
270	14	02220749	QUẢN TRỌNG HÙNG	Nam	16/04/1988	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	7.63		6.88	14.51	
271	15	02220382	NGUYỄN THỊ NHUNG	Nữ	24/04/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	7.13	1.0	6.31	14.44	
272	16	02220234	HOÀNG THỊ NGỌC HÀ	Nữ	30/04/1995	TP Hải Phòng	Nội khoa	7.29		7.13	14.42	
273	17	02220164	VŨ THỊ HÀ	Nữ	17/07/1992	TP Hải Phòng	Nội khoa	6.85		7.56	14.41	
274	18	02220813	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	23/09/1994	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	6.85		7.50	14.35	
275	19	02220650	NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	10/04/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	6.92		7.42	14.34	
276	20	02220170	BÙI HOÀNG NGHĨA	Nam	28/03/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội khoa	7.67		6.67	14.34	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
277	21	02220779	THÁI THI HƯƠNG	Nữ	17/10/1991	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.06		7.25	14.31	
278	22	02220124	TRƯƠNG THỊ KHUYẾN	Nữ	03/09/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	7.21		7.02	14.23	
279	23	02220665	CAO THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	25/01/1991	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.92		7.25	14.17	
280	24	02220219	LÊ THỊ HỒNG HƯƠNG	Nữ	01/10/1992	Tỉnh Tuyên Quang	Nội khoa	6.63	1.0	6.50	14.13	
281	25	02220543	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	23/11/1991	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	7.04		7.08	14.12	
282	26	02220664	MAI THÁI HÀ	Nữ	12/03/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	7.19		6.90	14.09	
283	27	02220056	NGUYỄN DIỆP THƠ	Nam	18/06/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.75		7.27	14.02	
284	28	02220081	HOÀNG THỊ LAN VÂN	Nữ	11/12/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	6.29		7.58	13.87	
285	29	02220646	PHẠM THÀNH ĐỒNG	Nam	16/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.04		6.83	13.87	
286	30	02220536	NGUYỄN DUY BÌNH	Nam	03/09/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Nội khoa	6.88		6.96	13.84	
287	31	02220599	NGUYỄN QUANG THẮNG	Nam	10/08/1994	TP Hà Nội	Nội khoa	6.94		6.90	13.84	
288	32	02220421	HOÀNG THỊ LƯU	Nữ	22/05/1995	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	6.79		6.96	13.75	
289	33	02220476	PHAN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	22/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.13		7.58	13.71	
290	34	02220674	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	20/10/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.42		7.29	13.71	
291	35	02220006	TRẦN BÙI MINH	Nam	20/06/1988	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	7.00		6.71	13.71	
292	36	02220699	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	21/07/1994	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	6.77		6.88	13.65	
293	37	02220001	NGUYỄN TUẤN PHONG	Nam	24/07/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	6.92		6.71	13.63	
294	38	02220288	LÊ THỊ THẢO	Nữ	16/04/1995	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	7.06		6.40	13.46	
295	39	02220772	TRẦN THỊ NGỌC	Nữ	23/12/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.46		6.96	13.42	
296	40	02220342	MAI TUẤN LINH	Nam	18/11/1995	Tỉnh Bắc Giang	Nội khoa	7.21		6.21	13.42	
297	41	02220074	NGUYỄN VĂN LINH	Nam	12/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Nội khoa	7.04		6.33	13.37	
298	42	02220738	LÊ HOÀI NAM	Nam	11/10/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	6.69		6.67	13.36	
299	43	02220429	HOÀNG THỊ MỸ HẠNH	Nữ	11/07/1994	Tỉnh Phú Thọ	Nội khoa	6.40		6.85	13.25	
300	44	02220647	NGUYỄN THỊ NGHĨA	Nữ	16/08/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.69		6.52	13.21	
301	45	02220021	LƯU THỊ MINH HUẾ	Nữ	22/11/1995	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.38		6.81	13.19	
302	46	02220237	DƯƠNG HỒNG QUÂN	Nam	22/08/1991	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.29		6.88	13.17	
303	47	02220189	DƯƠNG THỊ TUYẾT	Nữ	25/11/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	6.77		6.27	13.04	
304	48	02220225	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	10/12/1989	TP Hà Nội	Nội khoa	7.23		5.77	13.00	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
305	49	02220315	LÊ VĂN HÙNG	Nam	15/04/1992	Tỉnh Hưng Yên	Nội khoa	6.40		6.46	12.86	
306	50	02220156	LƯU NGỌC MAI	Nữ	26/07/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	6.65		6.17	12.82	
307	51	02220210	TRẦN THÙY DƯƠNG	Nữ	12/09/1994	Tỉnh Hà Nam	Nội khoa	6.50		6.31	12.81	
308	52	02220190	PHÍ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	26/07/1990	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.13		6.65	12.78	
309	53	02220574	MAI VĂN CAO	Nam	05/10/1986	Tỉnh Thanh Hóa	Nội khoa	5.69		7.04	12.73	
310	54	02220440	LÊ BÍCH NHÀN	Nữ	03/11/1988	Tỉnh Thái Nguyên	Nội khoa	5.83		6.75	12.58	
311	55	02220316	ĐINH THỊ NGỌC	Nữ	08/11/1992	Tỉnh Nam Định	Nội khoa	6.65		5.92	12.57	
312	56	02220764	HOÀNG VĂN HUÂN	Nam	30/10/1992	Tỉnh Thái Bình	Nội khoa	6.33		5.98	12.31	
313	57	02220634	TRẦN VĂN NGỌC	Nam	21/01/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội khoa	5.98		6.27	12.25	
314	58	02220768	ĐẶNG THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	25/03/1995	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	6.69		5.29	11.98	
315	59	02220745	NGUYỄN THỊ DIỆU LIÊN	Nữ	20/12/1993	TP Hà Nội	Nội khoa	5.52		6.21	11.73	
316	60	02220605	NGÔ THỊ THU HUỆ	Nữ	07/02/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nội khoa	5.73		6.00	11.73	
317	61	02220613	DƯƠNG THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	24/06/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	5.96		5.60	11.56	
318	62	02220390	NGUYỄN QUỲNH NGÀ	Nữ	16/03/1992	TP Hà Nội	Nội khoa	5.25		6.19	11.44	
319	63	02220820	ĐINH DUY HẢI	Nam	30/09/1991	Tỉnh Phú Thọ	Nội khoa	5.98		4.56	10.54	
320	64	02220679	KIỀU VÂN ANH	Nữ	20/12/1991	TP Hà Nội	Nội khoa	5.42		5.04	10.46	
321	65	02220255	VŨ PHƯƠNG DIỆP	Nữ	03/11/1992	Tỉnh Hải Dương	Nội khoa	5.02		5.21	10.23	
322	1	02220492	TRƯƠNG CÔNG VƯƠNG	Nam	21/10/1993	Tỉnh Phú Thọ	Nội Tim mạch	8.56		7.94	16.50	
323	2	02220142	ĐỖ THỊ BÍCH VÂN	Nữ	23/04/1993	Tỉnh Tuyên Quang	Nội Tim mạch	7.29	1.0	7.63	15.92	
324	3	02220141	HOÀNG THỊ TUYẾN	Nữ	08/04/1995	Tỉnh Hà Nam	Nội Tim mạch	8.06		7.73	15.79	
325	4	02220097	TRẦN THỊ TỔ UYÊN	Nữ	01/10/1992	Tỉnh Lào Cai	Nội Tim mạch	7.48	1.0	7.19	15.67	
326	5	02220085	VŨ ANH TÚ	Nam	10/07/1992	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	7.58		7.83	15.41	
327	6	02220598	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	16/07/1995	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	7.35		8.02	15.37	
328	7	02220129	BÙI DUY KHÁNH	Nam	04/01/1995	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	7.63		7.50	15.13	
329	8	02220241	NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	Nữ	13/10/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội Tim mạch	7.19		7.67	14.86	
330	9	02220343	NGUYỄN THÙY CHINH	Nữ	15/01/1989	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	7.40		7.17	14.57	
331	10	02220362	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	Nam	01/12/1993	Tỉnh Ninh Bình	Nội Tim mạch	7.54		6.90	14.44	
332	11	02220495	NGUYỄN THỊ DUNG	Nữ	15/10/1989	Tỉnh Hải Dương	Nội Tim mạch	7.21		7.17	14.38	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
333	12	02220435	LÊ QUANG ĐẠI	Nam	23/06/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nội Tim mạch	7.10		7.27	14.37	
334	13	02220033	TRƯỜNG HOÀI LAM	Nam	25/09/1994	Tỉnh Gia Lai	Nội Tim mạch	7.13		7.23	14.36	
335	14	02220363	NGUYỄN ĐÌNH BẢNG	Nam	23/07/1989	Tỉnh Quảng Ninh	Nội Tim mạch	7.48		6.79	14.27	
336	15	02220163	BÙI TRUNG ĐỨC	Nam	05/10/1991	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	7.38		6.88	14.26	
337	16	02220611	MAI THỊ THƯƠNG	Nữ	07/07/1991	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	7.21		7.04	14.25	
338	17	02220712	CAO THỊ PHƯƠNG THÚY	Nữ	29/05/1991	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	7.33		6.90	14.23	
339	18	02220224	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	06/01/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	7.44		6.79	14.23	
340	19	02220468	VĂN NAM THẮNG	Nam	18/03/1994	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	7.13		6.85	13.98	
341	20	02220153	MAI TRỌNG BA	Nam	17/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Nội Tim mạch	7.31		6.67	13.98	
342	21	02220847	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	13/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	6.38		7.42	13.80	
343	22	02220585	ĐẶNG LINH CHI	Nữ	10/09/1991	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	7.08		6.60	13.68	
344	23	02220726	VŨ QUANG HUY	Nam	09/01/1992	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	6.67		7.00	13.67	
345	24	02220538	LÊ THỊ HUYỀN	Nữ	05/04/1992	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	6.88		6.73	13.61	
346	25	02220110	BÙI THANH HUYỀN	Nữ	08/01/1987	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	6.46		6.94	13.40	
347	26	02220036	TRỊNH SƠN KHÔI	Nam	13/05/1990	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	6.06		7.29	13.35	
348	27	02220758	TÔ TIẾN DŨNG	Nam	17/09/1983	Tỉnh Hưng Yên	Nội Tim mạch	6.15		6.69	12.84	
349	28	02220239	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	06/08/1993	Tỉnh Nam Định	Nội Tim mạch	6.79		6.04	12.83	
350	29	02220756	PHAN HỒNG QUÂN	Nam	25/04/1994	Tỉnh Nghệ An	Nội Tim mạch	5.92		6.60	12.52	
351	30	02220171	NGUYỄN HỒNG QUANG	Nam	09/04/1989	Tỉnh Thái Bình	Nội Tim mạch	6.40		6.10	12.50	
352	31	02220131	NGÔ TIẾN THÁI	Nam	20/12/1994	Tỉnh Thái Bình	Nội Tim mạch	5.71	1.0	5.67	12.38	
353	32	02220785	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	Nữ	27/11/1991	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	6.50		5.79	12.29	
354	33	02220621	BÙI DUY TÙNG	Nam	18/03/1993	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	5.40		6.54	11.94	
355	34	02220770	PHẠM TIẾN THÀNH	Nam	23/12/1989	TP Hà Nội	Nội Tim mạch	5.69		6.04	11.73	
356	1	02220303	NGUYỄN XUÂN MINH	Nam	19/10/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	8.90	1.0	8.27	18.17	
357	2	02220025	GIANG LÊ DUY	Nam	16/12/1991	Tỉnh Sơn La	Ngoại khoa	7.58	1.0	8.23	16.81	
358	3	02220746	NGÔ VĂN CÔNG	Nam	30/12/1991	Tỉnh Nam Định	Ngoại khoa	7.71	1.0	8.10	16.81	
359	4	02220557	ĐỖ THẾ SƠN	Nam	31/07/1994	TP Hà Nội	Ngoại khoa	7.94		8.58	16.52	
360	5	02220757	LƯỠNG ĐÌNH PHƯƠNG NAM	Nam	15/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	7.52		8.81	16.33	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
361	6	02220157	PHẠM QUỐC HOA	Nam	17/07/1993	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	7.83		8.46	16.29	
362	7	02220144	TRẦN XUÂN CÔNG	Nam	16/11/1992	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.83		8.38	16.21	
363	8	02220207	NGUYỄN DUY HÒA	Nam	01/02/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Ngoại khoa	8.33		7.83	16.16	
364	9	02220687	PHẠM NGỌC DŨNG	Nam	22/09/1993	Tỉnh Ninh Bình	Ngoại khoa	7.83		8.31	16.14	
365	10	02220221	VŨ VĂN TÚC	Nam	05/01/1992	Tỉnh Nam Định	Ngoại khoa	7.71		8.29	16.00	
366	11	02220148	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Nam	21/10/1995	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	7.73		7.85	15.58	
367	12	02220688	PHAN THANH HOÀNG	Nam	26/10/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	7.81		7.71	15.52	
368	13	02220149	NGUYỄN KHẢI HOÀN	Nam	03/11/1995	Tỉnh Tuyên Quang	Ngoại khoa	7.23	1.0	7.25	15.48	
369	14	02220202	LÊ ĐỨC TRƯỜNG	Nam	27/05/1994	TP Hà Nội	Ngoại khoa	7.08		8.27	15.35	
370	15	02220575	PHẠM QUANG VŨ	Nam	18/08/1992	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.98		8.27	15.25	
371	16	02220258	BÙI ĐĂNG NGỌC	Nam	17/12/1990	TP Hà Nội	Ngoại khoa	7.21		8.02	15.23	
372	17	02220530	NGUYỄN DUY HIỆP	Nam	20/11/1991	TP Hà Nội	Ngoại khoa	7.63		7.60	15.23	
373	18	02220619	CHU VĂN TIẾN	Nam	08/06/1994	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	7.10		8.04	15.14	
374	19	02220836	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	Nam	02/10/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	6.79		8.31	15.10	
375	20	02220431	HOÀNG THỊ HẰNG	Nữ	08/04/1992	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.98		7.98	14.96	
376	21	02220298	NGUYỄN THÀNH LỢI	Nam	22/06/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	7.02		7.94	14.96	
377	22	02220293	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	02/07/1994	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	7.19		7.73	14.92	
378	23	02220443	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	16/02/1990	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.60		8.29	14.89	
379	24	02220451	ĐINH XUÂN CHƯƠNG	Nam	21/05/1994	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.69		8.17	14.86	
380	25	02220566	NGUYỄN DUY KHOA	Nam	28/12/1991	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	7.29		7.56	14.85	
381	26	02220754	LÊ QUANG HAI	Nam	10/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.46		8.38	14.84	
382	27	02220851	LÊ KIM VŨ	Nam	12/08/1990	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.44		8.27	14.71	
383	28	02220320	HOÀNG MINH ĐĂNG	Nam	18/03/1992	Tỉnh Phú Thọ	Ngoại khoa	6.40		8.19	14.59	
384	29	02220381	HỒ TUẤN DŨNG	Nam	10/01/1992	Tỉnh Nghệ An	Ngoại khoa	6.40		8.13	14.53	
385	30	02220802	TRẦN ANH TÚ	Nam	13/05/1991	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.60		7.77	14.37	
386	31	02220511	NGUYỄN VĂN TUYÊN	Nam	24/07/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	6.17		8.17	14.34	
387	32	02220309	TRẦN HỒNG NGUYỄN	Nam	28/09/1995	Tỉnh Nam Định	Ngoại khoa	7.17		7.15	14.32	
388	33	02220659	LÊ TIẾN TUẤN	Nam	18/10/1994	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngoại khoa	5.56		8.65	14.21	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
389	34	02220769	LÊ CƯỜNG	Nam	22/12/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	6.21		7.63	13.84	
390	35	02220631	HOÀNG XUÂN MINH	Nam	30/06/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	5.98		7.71	13.69	
391	36	02220782	PHAN NHẬT QUANG	Nam	06/09/1994	TP Hà Nội	Ngoại khoa	5.71		7.94	13.65	
392	37	02220814	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	Nam	20/10/1994	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.60		6.88	13.48	
393	38	02220412	ĐÀO VĂN HIẾU	Nam	16/12/1993	Tỉnh Hưng Yên	Ngoại khoa	5.19		8.19	13.38	
394	39	02220458	NGUYỄN BÁ VƯƠNG	Nam	19/11/1994	TP Hải Phòng	Ngoại khoa	6.50		6.88	13.38	
395	40	02220731	PHAN ANH	Nam	11/01/1992	TP Hải Phòng	Ngoại khoa	5.38		7.90	13.28	
396	41	02220043	NGUYỄN GIA CÔNG	Nam	14/08/1994	Tỉnh Bắc Kạn	Ngoại khoa	6.77		6.48	13.25	
397	42	02220049	ĐINH ĐỨC SƠN	Nam	14/10/1989	Tỉnh Bắc Kạn	Ngoại khoa	6.23		6.96	13.19	
398	43	02220709	HOÀNG VĂN VẠN	Nam	09/02/1992	TP Hà Nội	Ngoại khoa	6.15		6.79	12.94	
399	44	02220060	LƯƠNG MẠNH CƯỜNG	Nam	27/11/1989	Tỉnh Ninh Bình	Ngoại khoa	5.81		7.00	12.81	
400	45	02220321	LÊ HOÀNG LONG	Nam	01/04/1992	TP Hà Nội	Ngoại khoa	4.94		7.60	12.54	
401	46	02220753	NGUYỄN THÀNH VINH	Nam	29/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	4.81		7.67	12.48	
402	47	02220105	NGUYỄN MINH TOÀN	Nam	30/12/1991	TP Hà Nội	Ngoại khoa	4.96		7.44	12.40	
403	48	02220232	HÀ ĐỨC QUANG	Nam	07/10/1991	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	4.52		7.77	12.29	
404	49	02220266	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	02/09/1992	Tỉnh Thái Bình	Ngoại khoa	5.38		6.85	12.23	
405	50	02220817	NGUYỄN QUÝ TUẤN ANH	Nam	10/11/1991	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	5.06		6.63	11.69	
406	51	02220278	NGUYỄN QUANG DUY	Nam	08/03/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ngoại khoa	4.67		6.75	11.42	
407	52	02220736	PHÙNG VĂN THÀNH	Nam	10/06/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ngoại khoa	5.10		6.27	11.37	
408	53	02220686	TRIỆU SƠN TÙNG	Nam	13/12/1996	Tỉnh Hưng Yên	Ngoại khoa	4.25		6.69	10.94	
409	54	02220093	VŨ TUẤN HÙNG	Nam	16/04/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	4.73		6.17	10.90	
410	55	02220490	NGUYỄN HỮU CÔNG	Nam	21/01/1994	Tỉnh Hải Dương	Ngoại khoa	4.52		5.96	10.48	
411	56	02220781	DƯƠNG THẾ ĐỨC	Nam	03/05/1990	Tỉnh Thanh Hóa	Ngoại khoa	3.75		6.35	10.10	
412	1	02220453	LÊ TUẤN ANH	Nam	28/02/1994	Tỉnh Yên Bái	Nhân khoa	7.33	1.0	8.17	16.50	
413	2	02220351	VŨ THỊ SAO	Nữ	21/02/1994	Tỉnh Hải Dương	Nhân khoa	8.27		7.79	16.06	
414	3	02220108	LÊ THỊ DIỆU	Nữ	31/05/1990	TP Hà Nội	Nhân khoa	7.85		8.17	16.02	
415	4	02220212	TRẦN KIM PHƯỢNG	Nữ	02/07/1990	Tỉnh Quảng Ninh	Nhân khoa	7.88		7.94	15.82	
416	5	02220478	LÊ THỊ HƯƠNG	Nữ	27/09/1994	Tỉnh Hải Dương	Nhân khoa	7.31		8.38	15.69	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
417	6	02220717	TRẦN NGỌC THÀNH	Nam	11/10/1997	Tỉnh Ninh Bình	Nhãn khoa	7.33		7.27	14.60	
418	7	02220264	PHẠM THỊ TUYẾT QUỲNH	Nữ	22/02/1993	Tỉnh Thái Bình	Nhãn khoa	6.92		7.40	14.32	
419	8	02220498	DƯƠNG THỊ THẢO TRINH	Nữ	10/09/1993	Tỉnh Hải Dương	Nhãn khoa	6.21		8.10	14.31	
420	9	02220324	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	Nam	23/12/1990	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhãn khoa	7.13		6.98	14.11	
421	10	02220158	KHÔNG TRỌNG NGHĨA	Nam	02/12/1987	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhãn khoa	6.83		7.21	14.04	
422	11	02220608	LÃ THỊ MY LY	Nữ	12/10/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nhãn khoa	5.85		7.46	13.31	
423	12	02220592	TRẦN HỒNG NHUNG	Nữ	20/11/1990	Tỉnh Bắc Ninh	Nhãn khoa	5.96		7.23	13.19	
424	13	02220824	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	17/07/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Nhãn khoa	4.25		6.94	11.19	
425	14	02220377	ĐẶNG HOÀNG LONG	Nam	04/12/1994	Tỉnh Nghệ An	Nhãn khoa	4.67		6.00	10.67	
426	1	02220395	TRẦN VÂN ANH	Nữ	28/02/1997	TP Hà Nội	Nhi khoa	8.08		9.33	17.41	
427	2	02220013	HOÀNG THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	08/10/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	8.15		7.67	15.82	
428	3	02220107	TẠ QUANG ĐẠO	Nam	17/08/1991	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	8.08		7.67	15.75	
429	4	02220272	BÙI THỊ DUNG	Nữ	16/09/1990	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	8.02		7.67	15.69	
430	5	02220560	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	18/01/1988	Tỉnh Bắc Ninh	Nhi khoa	7.88		7.75	15.63	
431	6	02220597	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	02/06/1994	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	8.15		7.33	15.48	
432	7	02220334	CHU THỊ THANH HOA	Nữ	16/06/1993	Tỉnh Bắc Giang	Nhi khoa	7.96		7.33	15.29	
433	8	02220133	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	06/09/1992	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	7.21		7.92	15.13	
434	9	02220413	PHẠM THỊ LAN ANH	Nữ	13/07/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.58		7.42	15.00	
435	10	02220229	LÊ THỊ VĂN	Nữ	02/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	7.79		7.17	14.96	
436	11	02220358	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	Nữ	16/03/1993	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	7.54		7.17	14.71	
437	12	02220302	NGUYỄN THANH NGÀ	Nữ	09/04/1989	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	8.15		6.17	14.32	
438	13	02220600	NGUYỄN THỊ THƠM	Nữ	31/03/1992	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	7.58		6.67	14.25	
439	14	02220630	LÊ ANH TÚ	Nam	03/09/1989	Tỉnh Vĩnh Phúc	Nhi khoa	7.48		6.75	14.23	
440	15	02220387	BÙI THỊ THU THỦY	Nữ	20/09/1992	Tỉnh Hải Dương	Nhi khoa	7.29		6.92	14.21	
441	16	02220739	LÊ MẠNH TUẤN	Nam	07/07/1994	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	6.60		7.58	14.18	
442	17	02220537	ĐẬU XUÂN ĐẠI	Nam	18/05/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	6.29		7.83	14.12	
443	18	02220307	VÕ TRỌNG HOÀNG	Nam	14/07/1992	Tỉnh Nghệ An	Nhi khoa	7.23		6.83	14.06	
444	19	02220262	HOÀNG THỊ YẾN	Nữ	05/12/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Nhi khoa	6.92		6.83	13.75	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
445	20	02220417	NGUYỄN VĂN TRUNG	Nam	19/11/1990	Tỉnh Hưng Yên	Nhi khoa	6.65		7.08	13.73	
446	21	02220826	LÊ MẠNH TRƯỜNG	Nam	17/06/1991	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.29		6.42	13.71	
447	22	02220265	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Nam	05/12/1996	Tỉnh Lào Cai	Nhi khoa	6.35		7.25	13.60	
448	23	02220474	VI TRỌNG THỨC	Nam	12/09/1989	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	6.71		6.83	13.54	
449	24	02220267	HOÀNG TUẤN THÀNH	Nam	20/09/1993	TP Hà Nội	Nhi khoa	7.38		6.00	13.38	
450	25	02220533	NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH	Nữ	11/08/1994	TP Hà Nội	Nhi khoa	6.92		6.33	13.25	
451	26	02220706	ĐÀO VĂN PHÚC	Nam	22/02/1993	Tỉnh Bắc Ninh	Nhi khoa	7.04		6.17	13.21	
452	27	02220704	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	Nữ	05/02/1995	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.98		7.17	13.15	
453	28	02220094	VŨ TRƯỜNG SINH	Nam	02/09/1993	Tỉnh Nam Định	Nhi khoa	6.79		6.33	13.12	
454	29	02220077	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	23/01/1994	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	6.60		6.50	13.10	
455	30	02220406	ĐOÀN QUỐC HOÀN	Nam	11/05/1994	TP Hà Nội	Nhi khoa	6.75		6.33	13.08	
456	31	02220601	BÙI ĐỨC HIẾU	Nam	25/02/1997	Tỉnh Điện Biên	Nhi khoa	5.98		6.25	12.23	
457	32	02220434	NGUYỄN VĂN TỰ	Nam	28/09/1996	Tỉnh Thái Bình	Nhi khoa	6.04		6.08	12.12	
458	33	02220401	NGUYỄN XUÂN HAI	Nam	01/10/1996	Tỉnh Thanh Hóa	Nhi khoa	5.98		5.92	11.90	
459	34	02220526	ĐỖ THỊ TRÂM ANH	Nữ	27/06/1988	Tỉnh Điện Biên	Nhi khoa	6.50		5.33	11.83	
460	35	02220589	PHẠM VĂN GIÁP	Nam	10/02/1994	TP Hà Nội	Nhi khoa	5.94		5.00	10.94	
461	1	02220558	LÊ HỮU SƠN	Nam	15/01/1993	Tỉnh Thái Bình	PTTH, tái tạo và thẩm mỹ	8.67		7.29	15.96	
462	2	02220349	NGUYỄN CHÍ HIẾU	Nam	07/04/1990	TP Hà Nội	PTTH, tái tạo và thẩm mỹ	7.58		7.71	15.29	
463	3	02220299	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	16/11/1987	Tỉnh Lạng Sơn	PTTH, tái tạo và thẩm mỹ	5.17		8.25	13.42	
464	4	02220139	PHAN TRÍ NGHĨA	Nam	09/05/1993	TP Hà Nội	PTTH, tái tạo và thẩm mỹ	4.77		7.27	12.04	
465	5	02220057	VÕ TÙNG	Nam	18/05/1993	TP Đà Nẵng	PTTH, tái tạo và thẩm mỹ	5.13		6.44	11.57	
466	6	02220186	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	25/03/1989	Tỉnh Nam Định	PTTH, tái tạo và thẩm mỹ	4.42		6.40	10.82	
467	1	02220199	HÀ THỊ PHƯƠNG	Nữ	14/09/1993	Tỉnh Thái Bình	Phục hồi chức năng	7.00		6.79	13.79	
468	2	02220366	LÊ THỊ THẢO	Nữ	26/12/1992	Tỉnh Hải Dương	Phục hồi chức năng	6.38		7.21	13.59	
469	3	02220019	DƯƠNG KIỀU TRANG	Nữ	15/08/1990	Tỉnh Điện Biên	Phục hồi chức năng	7.67		5.83	13.50	
470	4	02220032	NGUYỄN TUẤN TÀI	Nam	05/01/1995	Tỉnh Thái Bình	Phục hồi chức năng	6.46		6.77	13.23	
471	5	02220356	VŨ THỊ NGỌC LƯƠNG	Nữ	05/10/1996	Tỉnh Ninh Bình	Phục hồi chức năng	6.46		6.40	12.86	
472	6	02220123	NGUYỄN THANH TUẤN	Nam	06/08/1984	TP Hà Nội	Phục hồi chức năng	7.23		5.54	12.77	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C. ngành	Tổng	Ghi chú
473	1	02220571	ĐẶNG TRƯỜNG SƠN	Nam	14/11/1995	Tỉnh Lào Cai	Quản lý bệnh viện	7.38	1.0	6.67	15.05	
474	2	02220191	ĐỖ HOÀNG NGỌC MAI	Nữ	19/09/1996	Tỉnh Thái Nguyên	Quản lý bệnh viện	6.77		7.83	14.60	
475	3	02220744	THÂN THỊ HỒNG VUI	Nữ	22/08/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	Quản lý bệnh viện	6.96		7.50	14.46	
476	4	02220287	KHƯƠNG THỊ TRÀ MY	Nữ	26/10/1999	Tỉnh Thanh Hóa	Quản lý bệnh viện	7.19		6.83	14.02	
477	5	02220367	LÊ VIỆT DŨNG	Nam	15/10/1989	TP Hà Nội	Quản lý bệnh viện	6.27		6.58	12.85	
478	6	02220109	LÊ THỊ HỒNG PHƯƠNG	Nữ	01/01/1992	Tỉnh Quảng Nam	Quản lý bệnh viện	6.44		5.67	12.11	
479	7	02220068	CAO NHƯ QUỲNH	Nữ	13/11/1997	Tỉnh Điện Biên	Quản lý bệnh viện	5.63		6.08	11.71	
480	8	02220022	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	Nữ	12/05/1999	TP Hà Nội	Quản lý bệnh viện	6.38		5.33	11.71	
481	1	02220593	VŨ THUỶ PHƯƠNG	Nữ	12/10/1995	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	7.58		8.10	15.68	
482	2	02220620	TRẦN HƯƠNG LAM	Nữ	24/08/1990	Tỉnh Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	7.67		6.63	14.30	
483	3	02220213	LÊ TIẾN THÀNH	Nam	07/09/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	6.69	1.0	6.46	14.15	
484	4	02220720	ĐINH THỂ BA	Nam	04/03/1994	Tỉnh Ninh Bình	Răng - Hàm - Mặt	7.63		6.46	14.09	
485	5	02220602	VŨ MẠNH DÂN	Nam	21/06/1995	Tỉnh Thái Bình	Răng - Hàm - Mặt	6.81		6.40	13.21	
486	6	02220606	LÊ THỊ THÚY	Nữ	17/05/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Răng - Hàm - Mặt	6.23		6.19	12.42	
487	7	02220449	PHẠM THỊ HOÀNG ANH	Nữ	18/11/1995	Tỉnh Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	5.38		6.79	12.17	
488	8	02220572	NGUYỄN HỮU KHÁNH	Nam	25/03/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	6.40		5.63	12.03	
489	9	02220577	DƯƠNG QUỐC THÀNH	Nam	18/08/1995	Tỉnh Hưng Yên	Răng - Hàm - Mặt	5.85		5.81	11.66	
490	10	02220167	QUÁCH THỊ NGHĨA	Nữ	04/12/1986	Tỉnh Hòa Bình	Răng - Hàm - Mặt	5.42		6.17	11.59	
491	11	02220378	MAI THỊ HIỀN	Nữ	03/11/1995	Tỉnh Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	5.44		5.67	11.11	
492	12	02220494	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	Nam	01/06/1994	TP Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	5.31		5.67	10.98	
493	13	02220061	LIÊU HỒNG HẠNH	Nữ	22/11/1992	TP Hải Phòng	Răng - Hàm - Mặt	5.38		5.54	10.92	
494	14	02220116	LÊ NGỌC MAI	Nữ	29/11/1995	Tỉnh Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	4.50		6.13	10.63	
495	15	02220276	NGUYỄN THỊ NĂM	Nữ	01/07/1994	Tỉnh Hải Dương	Răng - Hàm - Mặt	4.67		5.96	10.63	
496	16	02220193	ĐỒNG THANH THIỆN	Nam	26/09/1987	Tỉnh Bắc Giang	Răng - Hàm - Mặt	4.96		5.29	10.25	
497	17	02220846	DƯƠNG THỊ CẨM VÂN	Nữ	03/09/1993	Tỉnh Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	4.13		5.92	10.05	
498	18	02220233	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	15/02/1992	Tỉnh Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	4.06		5.98	10.04	
499	19	02220071	ĐỖ THỊ THU HÀ	Nữ	08/03/1995	Tỉnh Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	4.00		5.90	9.90	
500	20	02220751	PHAN THỊ THU HẰNG	Nữ	26/01/1996	Tỉnh Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	0.00		0.00		Không thi

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
501	21	02220658	MAI THỊ HOAN	Nữ	29/04/1994	Tỉnh Bắc Ninh	Răng - Hàm - Mặt	0.00		0.00		Không thi
502	22	02220137	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	Nữ	05/08/1989	Tỉnh Tuyên Quang	Răng - Hàm - Mặt	0.00		0.00		Không thi
503	23	02220733	TRẦN QUỐC THÁI	Nam	10/04/1993	Tỉnh Hưng Yên	Răng - Hàm - Mặt	0.00		0.00		Không thi
504	1	02220400	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	Nam	02/07/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	8.75	1.0	8.04	17.79	
505	2	02220445	NGUYỄN THỊ LAN OANH	Nữ	14/02/1995	Tỉnh Quảng Ninh	Sản phụ khoa	8.13		8.44	16.57	
506	3	02220308	PHẠM THỊ DIỄM	Nữ	15/11/1995	TP Hải Phòng	Sản phụ khoa	8.31		7.79	16.10	
507	4	02220755	ĐẶNG HOÀNG LÊ	Nam	26/05/1992	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	8.42		7.50	15.92	
508	5	02220411	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	02/09/1995	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	7.73		8.10	15.83	
509	6	02220491	MẠNH TRỌNG BẰNG	Nam	13/11/1993	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	7.77		8.06	15.83	
510	7	02220632	LẠI DUY HIỆU	Nam	09/06/1994	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	7.31		8.35	15.66	
511	8	02220326	MAI HỒNG CHUYỀN	Nam	18/10/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.46		8.06	15.52	
512	9	02220130	LÊ MẠNH QUÝ	Nam	08/03/1994	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	7.38		7.92	15.30	
513	10	02220058	NGUYỄN VĂN PHAN	Nam	26/06/1991	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	7.52		7.54	15.06	
514	11	02220694	BẾ THỊ HOA	Nữ	10/06/1995	Tỉnh Cao Bằng	Sản phụ khoa	7.17		7.71	14.88	
515	12	02220084	ĐỖ THỊ THU TRANG	Nữ	02/08/1995	Tỉnh Quảng Ninh	Sản phụ khoa	7.35		7.40	14.75	
516	13	02220485	ĐỖ MINH THU	Nữ	28/08/1991	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	7.69		6.94	14.63	
517	14	02220151	NGÔ VĂN THỊNH	Nam	05/12/1991	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	6.85		7.69	14.54	
518	15	02220512	PHẠM THỊ OANH	Nữ	04/01/1993	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	6.02		8.04	14.06	
519	16	02220734	LÊ QUANG NAM	Nam	16/10/1993	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	6.54		7.46	14.00	
520	17	02220427	TRẦN THỊ DIỆU ANH	Nữ	15/07/1991	Tỉnh Quảng Ninh	Sản phụ khoa	5.90		8.00	13.90	
521	18	02220447	LÊ TRÍ TIỀN THÀNH	Nam	19/05/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Sản phụ khoa	7.10		6.60	13.70	
522	19	02220121	NGUYỄN THỊ HỒNG MAI	Nữ	15/11/1994	Tỉnh Nam Định	Sản phụ khoa	6.23		7.38	13.61	
523	20	02220617	NGUYỄN THỊ DUYÊN	Nữ	29/11/1994	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.73		7.54	13.27	
524	21	02220477	VƯƠNG TOÀN THẮNG	Nam	25/07/1993	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.65		7.52	13.17	
525	22	02220100	NGUYỄN MINH THÚY	Nữ	31/03/1994	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.73		7.31	13.04	
526	23	02220020	ĐÀM VĂN HÙNG	Nam	04/05/1993	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.31		7.31	12.62	
527	24	02220827	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	20/07/1994	Tỉnh Ninh Bình	Sản phụ khoa	5.56		7.02	12.58	
528	25	02220715	NGUYỄN DUY PHÁP	Nam	17/10/1995	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.67		6.75	12.42	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
529	26	02220697	PHẠM THỊ MAI ANH	Nữ	28/06/1991	Tỉnh Hưng Yên	Sản phụ khoa	5.29		7.08	12.37	
530	27	02220194	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	10/04/1993	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.25		7.08	12.33	
531	28	02220800	NGUYỄN THÀNH LÂM	Nam	05/02/1993	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	5.69		6.63	12.32	
532	29	02220463	TRẦN THỊ DUNG	Nữ	27/07/1995	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	5.56		6.65	12.21	
533	30	02220273	ĐÀO THỊ DUNG	Nữ	27/04/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	5.46		6.65	12.11	
534	31	02220573	VŨ THỊ CÚC	Nữ	04/10/1994	Tỉnh Hưng Yên	Sản phụ khoa	5.48		6.52	12.00	
535	32	02220590	TRẦN TRỌNG THỰC	Nam	20/02/1992	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	6.23		5.75	11.98	
536	33	02220095	ĐINH THỊ THẢO PHƯƠNG	Nữ	18/12/1994	TP Hải Phòng	Sản phụ khoa	4.75		7.15	11.90	
537	34	02220570	ĐẶNG VĂN HÀ	Nam	02/11/1994	Tỉnh Nghệ An	Sản phụ khoa	4.90		6.85	11.75	
538	35	02220501	NGUYỄN HÙNG	Nam	05/09/1994	Tỉnh Quảng Nam	Sản phụ khoa	5.17		5.94	11.11	
539	36	02220169	LÊ QUỐC TRUNG	Nam	18/06/1986	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	4.77		6.17	10.94	
540	37	02220656	NGUYỄN HỒNG HÀ	Nam	12/09/1996	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	5.06		4.96	10.02	
541	38	02220243	ĐOÀN THỊ NGỌC LINH	Nữ	05/05/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Sản phụ khoa	3.85		5.73	9.58	
542	39	02220563	ĐẶNG TUẤN ANH	Nam	08/09/1990	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	3.71		5.77	9.48	
543	40	02220819	NGUYỄN THỊ THANH LAM	Nữ	21/08/1994	Tỉnh Thái Bình	Sản phụ khoa	3.48		5.40	8.88	
544	41	02220438	ĐẶNG THỊ THU TRANG	Nữ	15/03/1981	TP Hải Phòng	Sản phụ khoa	3.21		5.52	8.73	
545	42	02220228	TRẦN QUANG HUY	Nam	11/05/1984	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	3.77		4.67	8.44	
546	43	02220373	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	Nam	28/11/1991	Tỉnh Hải Dương	Sản phụ khoa	4.13		4.21	8.34	
547	44	02220618	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	Nữ	05/07/1994	TP Hà Nội	Sản phụ khoa	0.00		0.00		Không thi
548	1	02220323	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nam	07/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Sinh lý bệnh	6.29		5.06	11.35	
549	1	02220448	NGUYỄN THANH HUYỀN	Nữ	20/11/1995	Tỉnh Hải Dương	Sinh lý học	5.81		6.48	12.29	
550	1	02220388	NGUYỄN THỊ HÒA	Nữ	16/08/1994	Tỉnh Nghệ An	Tai - Mũi- Họng	9.00		8.73	17.73	
551	2	02220277	ĐỖ MINH TUẤN	Nam	13/11/1992	Tỉnh Bắc Giang	Tai - Mũi- Họng	8.90		8.60	17.50	
552	3	02220250	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	15/06/1992	Tỉnh Nghệ An	Tai - Mũi- Họng	8.54		8.79	17.33	
553	4	02220379	NGUYỄN HỮU LUẬT	Nam	26/06/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	8.96		8.33	17.29	
554	5	02220409	PHÙNG DUY ANH	Nam	31/10/1993	Tỉnh Yên Bái	Tai - Mũi- Họng	7.71	1.0	8.46	17.17	
555	6	02220007	LÊ MINH HẰNG	Nữ	17/09/1994	Tỉnh Tuyên Quang	Tai - Mũi- Họng	8.02	1.0	7.33	16.35	
556	7	02220707	ĐOÀN DUY ĐẠT	Nam	03/11/1991	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	8.23		8.00	16.23	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
557	8	02220159	ĐỖ DUY THANH	Nam	01/09/1993	Tỉnh Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng	8.10		7.96	16.06	
558	9	02220364	TRIỆU THỊ NGỌC ANH	Nữ	03/02/1993	Tỉnh Thái Nguyên	Tai - Mũi- Họng	7.06	1.0	7.98	16.04	
559	10	02220691	NGUYỄN TIẾN VŨ	Nam	18/09/1994	Tỉnh Hòa Bình	Tai - Mũi- Họng	8.13		7.54	15.67	
560	11	02220076	NGUYỄN HUY TÚ	Nam	29/03/1994	Tỉnh Tuyên Quang	Tai - Mũi- Họng	6.96		8.15	15.11	
561	12	02220462	TRẦN THỊ THANH	Nữ	22/02/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Tai - Mũi- Họng	7.65		7.31	14.96	
562	13	02220120	ĐỖ HUYỀN TRANG	Nữ	03/10/1993	Tỉnh Quảng Ninh	Tai - Mũi- Họng	6.27		8.60	14.87	
563	14	02220609	NGUYỄN THANH THANH	Nữ	16/04/1995	Tỉnh Khánh Hòa	Tai - Mũi- Họng	7.27		7.04	14.31	
564	15	02220080	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	10/09/1991	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	7.38		6.65	14.03	
565	16	02220578	NGUYỄN THỊ DIỆU YẾN	Nữ	30/06/1995	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	6.67		7.19	13.86	
566	17	02220026	QUẢN NGỌC THẠCH	Nam	12/04/1990	TP Hải Phòng	Tai - Mũi- Họng	5.17		7.71	12.88	
567	18	02220684	NGUYỄN QUANG THÁI	Nam	09/06/1993	Tỉnh Điện Biên	Tai - Mũi- Họng	4.52	1.0	7.19	12.71	
568	19	02220793	ĐỒNG THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	12/08/1990	Tỉnh Hà Giang	Tai - Mũi- Họng	6.06		6.58	12.64	
569	20	02220045	NGUYỄN CÔNG ANH QUANG	Nam	04/05/1996	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	5.21		7.19	12.40	
570	21	02220562	NGUYỄN THÚY NGÀ	Nữ	23/03/1990	Tỉnh Sơn La	Tai - Mũi- Họng	5.48		6.90	12.38	
571	22	02220223	VŨ THỊ MINH HUỆ	Nữ	17/01/1981	Tỉnh Nam Định	Tai - Mũi- Họng	4.94		6.83	11.77	
572	23	02220442	KHÔNG THỊ THIÊN HƯƠNG	Nữ	01/11/1992	Tỉnh Bắc Ninh	Tai - Mũi- Họng	5.10		6.44	11.54	
573	24	02220525	NGÔ NGUYỄN THANH HẢI	Nam	20/11/1993	Tỉnh Phú Thọ	Tai - Mũi- Họng	4.35		6.58	10.93	
574	25	02220480	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	04/05/1994	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	4.67		5.75	10.42	
575	26	02220681	CUNG QUANG HÙNG	Nam	15/12/1991	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	3.90		5.83	9.73	
576	27	02220518	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	17/01/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Tai - Mũi- Họng	4.35		5.29	9.64	
577	28	02220392	VŨ THANH THỦY	Nữ	01/03/1986	Tỉnh Thái Bình	Tai - Mũi- Họng	4.02		5.58	9.60	
578	29	02220017	LÊ THỊ MINH NGỌC	Nữ	01/03/1995	Tỉnh Hậu Giang	Tai - Mũi- Họng	3.98		4.90	8.88	
579	30	02220797	PHẠM ANH DŨNG	Nam	24/03/1993	TP Hà Nội	Tai - Mũi- Họng	0.00		0.00		Không thi
580	1	02220235	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	24/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Tâm thần	7.65		6.90	14.55	
581	2	02220698	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	05/06/1993	TP Hà Nội	Tâm thần	6.67		7.25	13.92	
582	3	02220039	LƯƠNG THỊ MAI LOAN	Nữ	07/08/1996	Tỉnh Hưng Yên	Tâm thần	6.65		6.46	13.11	
583	4	02220661	NGUYỄN NGỌC TRANG	Nữ	03/11/1994	TP Hà Nội	Tâm thần	6.33		5.42	11.75	
584	5	02220416	VŨ THỊ THU	Nữ	27/12/1995	Tỉnh Nghệ An	Tâm thần	6.79		4.48	11.27	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
585	6	02220275	BÙI XUÂN ĐẠT	Nam	20/10/1989	Tỉnh Nghệ An	Tâm thần	4.96		4.42	9.38	
586	1	02220425	ĐÌNH THỊ TUYẾT THANH	Nữ	25/05/1992	Tỉnh Nghệ An	Thần kinh	8.33		7.52	15.85	
587	2	02220244	HÀ PHƯỚC ĐÔNG	Nam	04/05/1994	Tỉnh Quảng Nam	Thần kinh	7.96		7.67	15.63	
588	3	02220357	HỒ QUANG THỊNH	Nam	31/08/1992	Tỉnh Nghệ An	Thần kinh	7.35		7.71	15.06	
589	4	02220078	TRẦN THỊ TÌNH	Nữ	22/04/1995	Tỉnh Bắc Giang	Thần kinh	6.94		6.96	13.90	
590	5	02220710	VŨ HỒNG THÁI	Nam	03/01/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Thần kinh	7.13		6.71	13.84	
591	6	02220369	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	20/05/1992	TP Hải Phòng	Thần kinh	7.46		6.27	13.73	
592	7	02220703	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	20/10/1994	Tỉnh Nghệ An	Thần kinh	6.58		6.58	13.16	
593	8	02220568	BÙI KIM NGA	Nữ	18/01/1992	Tỉnh Ninh Bình	Thần kinh	6.81		6.06	12.87	
594	9	02220591	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	04/08/1993	Tỉnh Nghệ An	Thần kinh	6.33		6.23	12.56	
595	10	02220548	PHẠM THỊ THÚY	Nữ	18/06/1994	Tỉnh Phú Thọ	Thần kinh	6.00		6.21	12.21	
596	11	02220452	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	31/05/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Thần kinh	5.79		5.77	11.56	
597	12	02220705	ĐÌNH THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	08/01/1994	Tỉnh Bắc Giang	Thần kinh	6.06		5.46	11.52	
598	1	02220805	LƯU SỸ TÙNG	Nam	26/06/1993	Tỉnh Thái Nguyên	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đ	7.60		6.79	14.39	
599	2	02220090	QUÁCH DUY CƯỜNG	Nam	11/09/1989	TP Hà Nội	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đ	7.29		6.35	13.64	
600	3	02220053	LÊ THỊ NGÂN	Nữ	19/11/1992	Tỉnh Nghệ An	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đ	6.94		6.40	13.34	
601	4	02220423	PHÙNG THỊ HƯƠNG	Nữ	30/08/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đ	7.02		6.17	13.19	
602	5	02220439	HỒ THỊ HUẾ	Nữ	11/06/1995	Tỉnh Thái Bình	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đ	6.50		4.85	11.35	
603	6	02220246	NGUYỄN THỊ THANH	Nữ	26/06/1995	Tỉnh Nam Định	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đ	5.50		5.33	10.83	
604	1	02220220	NGUYỄN CÔNG TẤN	Nam	09/11/1993	Tỉnh Thái Bình	Ung thư	8.44		8.40	16.84	
605	2	02220645	NGUYỄN THỊ HIẾU	Nữ	17/01/1994	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	8.21		8.60	16.81	
606	3	02220595	NGUYỄN THẾ TRUNG	Nam	05/12/1993	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	8.33		8.19	16.52	
607	4	02220336	DOÃN THỊ THU GIANG	Nữ	22/09/1991	Tỉnh Nam Định	Ung thư	8.06		8.42	16.48	
608	5	02220274	LẠI THỊ THANH HÀ	Nữ	15/09/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	7.98		8.35	16.33	
609	6	02220544	VŨ THỊ MINH HƯƠNG	Nữ	14/06/1991	Tỉnh Thái Bình	Ung thư	7.44		8.69	16.13	
610	7	02220639	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Nữ	09/03/1993	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	7.42		8.69	16.11	
611	8	02220657	NGUYỄN VIỆT SƠN	Nam	28/08/1995	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	7.44		8.35	15.79	
612	9	02220174	NGUYỄN THỊ THỦY	Nữ	19/09/1995	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	8.71		6.92	15.63	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
613	10	02220282	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	30/05/1992	TP Hà Nội	Ung thư	7.79		7.79	15.58	
614	11	02220727	PHÙNG NGỌC NAM	Nam	10/04/1990	TP Hà Nội	Ung thư	7.38		8.10	15.48	
615	12	02220466	VƯƠNG XUÂN HỒNG QUANG	Nam	31/10/1991	TP Hà Nội	Ung thư	7.08		8.17	15.25	
616	13	02220616	PHẠM THÀNH ĐẠT	Nam	20/03/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	7.44		7.77	15.21	
617	14	02220182	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG	Nữ	28/09/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	7.38		7.71	15.09	
618	15	02220737	NGUYỄN VĂN DƯỠNG	Nam	01/02/1994	Tỉnh Nam Định	Ung thư	7.10		7.90	15.00	
619	16	02220310	PHẠM VĂN DŨNG	Nam	12/07/1993	Tỉnh Thanh Hóa	Ung thư	6.88		7.98	14.86	
620	17	02220795	PHẠM THANH THƯỜNG	Nam	21/04/1995	Tỉnh Ninh Bình	Ung thư	7.21		7.52	14.73	
621	18	02220615	ĐẶNG THÀNH TRUNG	Nam	22/07/1994	Tỉnh Hưng Yên	Ung thư	5.94		7.40	13.34	
622	19	02220227	NGUYỄN THỊ THUYẾT LINH	Nữ	15/11/1995	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	6.90		6.44	13.34	
623	20	02220748	NGUYỄN THỊ HẠNH	Nữ	18/10/1993	Tỉnh Nam Định	Ung thư	6.08		7.23	13.31	
624	21	02220683	DƯƠNG THỊ QUỲNH NGÀ	Nữ	20/04/1989	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	5.85		6.92	12.77	
625	22	02220509	LÊ THỊ HOA	Nữ	28/08/1994	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	6.06		6.60	12.66	
626	23	02220450	NGUYỄN VIỆT TIẾN	Nam	08/01/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Ung thư	5.67		6.85	12.52	
627	24	02220564	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	01/07/1992	Tỉnh Bắc Giang	Ung thư	4.75		7.31	12.06	
628	25	02220725	LÊ THÀNH CHUNG	Nam	23/09/1991	TP Hà Nội	Ung thư	4.85		6.33	11.18	
629	26	02220845	LƯU QUANG HỘI	Nam	09/07/1989	Tỉnh Bắc Ninh	Ung thư	4.52		6.50	11.02	
630	27	02220283	TRẦN THỊ HOÀI	Nữ	24/10/1993	Tỉnh Nghệ An	Ung thư	4.38		6.63	11.01	
631	28	02220088	THÁI THANH XUÂN	Nữ	25/12/1993	Tỉnh Điện Biên	Ung thư	4.33		6.38	10.71	
632	29	02220454	NGUYỄN ĐỨC KHẢI	Nam	30/09/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Ung thư	4.33		5.90	10.23	
633	30	02220503	TRẦN MINH HUỆ	Nữ	22/03/1990	Tỉnh Sơn La	Ung thư	3.90		6.31	10.21	
634	31	02220517	NGUYỄN QUANG HIỆP	Nam	20/12/1991	TP Hải Phòng	Ung thư	4.54		4.83	9.37	
635	1	02220087	ĐỖ THỊ THANH MAI	Nữ	21/02/1995	TP Hải Phòng	Vi sinh y học	7.60		6.27	13.87	
636	2	02220248	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	12/03/1994	TP Hà Nội	Vi sinh y học	6.63		7.15	13.78	
637	1	02220761	ĐINH THỊ THUÂN	Nữ	05/04/1992	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.58		8.44	16.02	
638	2	02220372	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ	Nữ	16/06/1993	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.77		7.92	15.69	
639	3	02220460	PHAN THỊ THU THẢO	Nữ	28/02/1990	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	8.02		7.13	15.15	
640	4	02220581	LÊ THỊ QUÝ	Nữ	22/09/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Y học cổ truyền	6.77		8.33	15.10	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
641	5	02220420	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂM	Nữ	04/10/1991	Tỉnh Bắc Ninh	Y học cổ truyền	7.06		7.90	14.96	
642	6	02220667	LÊ TUẤN VINH	Nam	14/08/1992	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	7.17		7.58	14.75	
643	7	02220408	LỖ THỊ BẢO YÊN	Nữ	06/07/1993	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	7.15		7.50	14.65	
644	8	02220487	LƯƠNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	18/03/1995	Tỉnh Hải Dương	Y học cổ truyền	5.88		7.98	13.86	
645	9	02220048	NGUYỄN VĂN ANH	Nữ	30/01/1994	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	6.46		7.40	13.86	
646	10	02220852	BÙI THỊ THANH THANH	Nữ	21/09/1994	Tỉnh Thanh Hóa	Y học cổ truyền	7.48		6.38	13.86	
647	11	02220696	ĐINH KIM CHI	Nữ	27/10/1991	Tỉnh Tuyên Quang	Y học cổ truyền	6.50		7.35	13.85	
648	12	02220226	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	10/07/1987	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	6.25		7.31	13.56	
649	13	02220515	NGUYỄN CHÍNH LINH	Nam	23/06/1994	Tỉnh Lào Cai	Y học cổ truyền	5.29	1.0	7.25	13.54	
650	14	02220747	ĐẶNG MINH TƯ	Nam	04/12/1992	Tỉnh Hưng Yên	Y học cổ truyền	5.94		7.56	13.50	
651	15	02220111	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Nữ	14/12/1991	Tỉnh Lạng Sơn	Y học cổ truyền	5.44	1.0	7.06	13.50	
652	16	02220383	BÙI THỊ DÁNG	Nữ	12/01/1992	Tỉnh Hải Dương	Y học cổ truyền	6.71		6.73	13.44	
653	17	02220175	MÃ THỊ THU THÁI	Nữ	05/09/1993	Tỉnh Tuyên Quang	Y học cổ truyền	6.69		6.27	12.96	
654	18	02220292	PHÙNG MINH PHÚC	Nữ	26/12/1988	TP Hà Nội	Y học cổ truyền	5.48		7.02	12.50	
655	19	02220018	NGUYỄN HUYỀN MY	Nữ	04/09/1993	Tỉnh Tuyên Quang	Y học cổ truyền	5.71		6.44	12.15	
656	20	02220330	NGUYỄN VĂN THỨC	Nam	22/04/1991	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học cổ truyền	5.50		6.38	11.88	
657	21	02220376	PHẠM THÙY LINH	Nữ	03/03/1995	Tỉnh Thái Bình	Y học cổ truyền	5.42		6.23	11.65	
658	22	02220508	PHẠM NGỌC HÀ	Nam	30/05/1994	Tỉnh Nam Định	Y học cổ truyền	4.06		5.46	9.52	
659	1	02220825	NGUYỄN THỊ LOAN	Nữ	15/11/1998	Tỉnh Hà Nam	Y học dự phòng	8.04		8.67	16.71	
660	2	02220132	LÊ ANH ĐỨC	Nam	25/03/1994	Tỉnh Yên Bái	Y học dự phòng	7.48	1.0	7.92	16.40	
661	3	02220083	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	07/10/1991	Tỉnh Hà Nam	Y học dự phòng	8.21		7.92	16.13	
662	4	02220708	NGUYỄN NGỌC HUY	Nam	06/04/1994	Tỉnh Bắc Ninh	Y học dự phòng	7.38		8.42	15.80	
663	5	02220750	BÙI THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	17/01/1992	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học dự phòng	7.67		7.75	15.42	
664	6	02220203	NGUYỄN QUANG QUYẾT	Nam	21/05/1988	Tỉnh Bắc Giang	Y học dự phòng	7.46	1.0	6.83	15.29	
665	7	02220496	TRẦN THỊ LEN	Nữ	22/12/1995	Tỉnh Nam Định	Y học dự phòng	7.33		7.92	15.25	
666	8	02220723	ĐỖ THỊ NHUNG	Nữ	07/02/1991	Tỉnh Thanh Hóa	Y học dự phòng	7.60		7.50	15.10	
667	9	02220030	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	12/11/1993	Tỉnh Hà Nam	Y học dự phòng	7.04		8.00	15.04	
668	10	02220559	LÊ HẢI ĐĂNG	Nam	16/08/1990	Tỉnh Tuyên Quang	Y học dự phòng	7.02		8.00	15.02	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
669	11	02220005	LÊ MINH ĐẠT	Nam	30/01/1993	Tỉnh Nam Định	Y học dự phòng	7.44		7.58	15.02	
670	12	02220014	BÙI THỊ LIÊN	Nữ	09/09/1989	Tỉnh Nam Định	Y học dự phòng	7.04		7.92	14.96	
671	13	02220728	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	31/07/1993	Tỉnh Phú Thọ	Y học dự phòng	7.13		7.75	14.88	
672	14	02220829	THÂN THU HOÀI	Nữ	26/10/1998	Tỉnh Lạng Sơn	Y học dự phòng	6.60		8.25	14.85	
673	15	02220702	TRẦN THỊ HOÀNG OANH	Nữ	06/01/1993	Tỉnh Đắk Lắk	Y học dự phòng	7.19		7.58	14.77	
674	16	02220004	BÙI TRÚC LOAN	Nữ	10/11/1992	Tỉnh Thanh Hóa	Y học dự phòng	7.21		7.50	14.71	
675	17	02220803	BÙI THIÊN HƯƠNG	Nữ	04/10/1994	Tỉnh Hòa Bình	Y học dự phòng	7.69		7.00	14.69	
676	18	02220821	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	08/01/1997	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y học dự phòng	7.00		7.33	14.33	
677	19	02220614	TRẦN THỊ GIANG	Nữ	02/01/1990	Tỉnh Hải Dương	Y học dự phòng	7.13		6.92	14.05	
678	20	02220663	TRẦN KIỀU OANH	Nữ	15/10/1992	Tỉnh Nghệ An	Y học dự phòng	7.42		6.42	13.84	
679	21	02220841	HỒNG QUANG THỐNG	Nam	02/01/1991	Tỉnh Hải Dương	Y học dự phòng	7.29		6.50	13.79	
680	22	02220338	PHẠM NGỌC TRÂM	Nữ	26/05/1989	Tỉnh Thái Bình	Y học dự phòng	7.27		6.50	13.77	
681	23	02220035	ĐOÀN DIỆU HƯƠNG	Nữ	30/08/1994	Tỉnh Quảng Ninh	Y học dự phòng	7.08		6.67	13.75	
682	24	02220823	TRỊNH KHÁNH LINH	Nữ	07/05/1998	TP Hà Nội	Y học dự phòng	6.56		6.92	13.48	
683	25	02220015	CHU QUỐC HOÀNG	Nam	07/12/1989	TP Hà Nội	Y học dự phòng	6.04		7.42	13.46	
684	26	02220034	DƯƠNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	03/04/1994	Tỉnh Thái Nguyên	Y học dự phòng	6.67		6.67	13.34	
685	27	02220029	LÊ MINH KHÁNH	Nam	13/01/1995	Tỉnh Thái Nguyên	Y học dự phòng	6.33		6.75	13.08	
686	28	02220305	HOÀNG GIA HÒA	Nam	04/04/1990	TP Hải Phòng	Y học dự phòng	6.88		6.17	13.05	
687	29	02220678	TRẦN QUỲNH MAI	Nữ	26/12/1995	Tỉnh Yên Bái	Y học dự phòng	6.13	1.0	4.75	11.88	
688	30	02220856	PHAN THỊ THANH TRÀ	Nữ	06/05/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	Y học dự phòng	0.00		0.00		Không thi
689	31	02220354	PHẠM VĂN QUÂN	Nam	14/01/1995	Tỉnh Hải Dương	Y học dự phòng	0.00		0.00		Không thi
690	1	02220009	NGUYỄN VĂN HỘI	Nam	07/05/1995	Tỉnh Nghệ An	Y học hạt nhân	7.58		6.56	14.14	
691	2	02220230	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	08/11/1994	Tỉnh Nghệ An	Y học hạt nhân	5.19		5.63	10.82	
692	1	02220407	LƯU THANH THỦY	Nữ	27/08/1991	TP Hà Nội	Y pháp	3.10		5.90	9.00	
693	1	02220327	NGUYỄN THỊ HOÀI	Nữ	23/03/1992	Tỉnh Lạng Sơn	Y sinh học di truyền	7.35		7.88	15.23	
694	2	02220300	HỒ THỊ THANH VÂN	Nữ	20/12/1991	TP Đà Nẵng	Y sinh học di truyền	7.27		6.35	13.62	
695	3	02220206	PHẠM THÚY QUỲNH	Nữ	17/11/1997	Tỉnh Quảng Ninh	Y sinh học di truyền	6.75		6.15	12.90	
696	4	02220675	VŨ HỒNG BẢO NGUYỄN	Nữ	29/06/1996	Tỉnh Phú Thọ	Y sinh học di truyền	5.77		6.65	12.42	

TT	TT CN	Mã hồ sơ	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành dự thi	Điểm Cơ sở	Ưu tiên	Điểm C.ngành	Tổng	Ghi chú
697	1	02220196	PHAN THỊ ANH THƯ	Nữ	29/12/1992	TP Hà Nội	Y tế công cộng	8.19		8.67	16.86	
698	2	02220695	TRẦN THỊ HUYỀN	Nữ	11/12/1989	Tỉnh Thái Bình	Y tế công cộng	7.75		8.08	15.83	
699	3	02220286	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	19/07/1987	TP Hà Nội	Y tế công cộng	7.19		8.42	15.61	
700	4	02220028	VŨ THỊ NGÂN	Nữ	17/12/1998	TP Hà Nội	Y tế công cộng	7.00		7.92	14.92	
701	5	02220012	VŨ VIỆT TRUNG	Nam	23/11/1996	Tỉnh Thái Bình	Y tế công cộng	7.23		7.33	14.56	
702	6	02220854	ĐẶNG SỸ DUY	Nam	06/04/1983	Tỉnh Bắc Ninh	Y tế công cộng	6.94		7.42	14.36	
703	7	02220523	LÊ THỊ THU THỦY	Nữ	16/10/1995	Tỉnh Nghệ An	Y tế công cộng	7.17		7.17	14.34	
704	8	02220069	ĐINH THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	29/11/1986	Tỉnh Thái Nguyên	Y tế công cộng	6.77		7.50	14.27	
705	9	02220031	NGUYỄN THỊ LỘC	Nữ	24/03/1983	TP Hải Phòng	Y tế công cộng	6.21		7.67	13.88	
706	10	02220641	NGUYỄN THỊ LẬP	Nữ	27/10/1990	TP Hà Nội	Y tế công cộng	6.60		7.08	13.68	
707	11	02220520	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Nữ	25/01/1990	TP Hà Nội	Y tế công cộng	6.46		6.58	13.04	
708	12	02220513	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	19/05/1996	TP Hà Nội	Y tế công cộng	5.58		5.42	11.00	
709	13	02220291	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	15/02/1998	Tỉnh Vĩnh Phúc	Y tế công cộng	0.00		0.00		Không thi

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2022 *ms*

HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH



★ Nguyễn Hữu Tú